|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 15/10/2024** | **Dạy** | **Ngày**  | **01/11 /2024****02/11 /2024** |
| **Tiết** | **1,4** |
| **Lớp** | **7B** |

**Tuần: 08 Tiết: 31-32**

**ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**Thời gian dự kiến: 02 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Học sinh củng cố năng lực ngữ văn (đọc hiểu, viết) theo mục tiêu bài học 1,2,3

- Học sinh được ôn tập, củng cố toàn bộ kiến thức ngữ văn về truyện ngắn và tiểu thuyết, thơ bốn chữ, năm chữ, truyện khoa học viễn tưởng.

- Củng số tri thức về ngôn ngữ vùng miền

- Học sinh được củng cố cách viết bài văn kể về sự việc liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Biết vận dụng kiến thức ngữ văn đã được phát triển ở bài 1,2,3 để làm đề tổng hợp hiệu quả.

**2. Năng lực**

\* **Năng lực chung:**

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

**\* Năng lực đặc thù**

- Học sinh được phát huy khả năng tự chủ tự học

**2. Phẩm chất:** Học sinh được bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu gia đình, trân trọng những người đã có công sinh thành, dạy dỗ, có công lao trong việc tạo dựng các giá trị của cuộc sống

**II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phương tiện**

- Máy tính, máy chiếu (Ti vi),

**2. Học liệu:**

- Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Khơi gợi hệ thống kiến thức ngữ văn đã học ở bài 1,2,3 giúp học sinh bước vào ôn luyện hiệu quả.

**b. Nội dung:** Qua đàm thoại gợi mở hệ thống kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

 GV yêu cầu HS nhắc lại các mục tiêu về năng lực ngữ văn đã được phát triển khi các em học tập bài 1,2,3.

1. Nêu mục tiêu môn ngữ văn muốn phát triển cho các em về năng lực đọc, viết

 qua các bài học ngữ văn 1,2,3

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ trả lời cá nhân câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời câu hỏi và các HS khác lắng nghe, bổ sung cho bạn

 **Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV đánh giá phần trả lời câu hỏi của HS

Kết luận về mục tiêu môn học học sinh đã được phát triển ở bài học 1,2,3

**-Năng lực đọc**:

+ Đọc hiểu các văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ bốn chữ, năm chữ. Nhận biết được nội dung hình thưc hình thức của truyện ngắn và tiểu thuyết, thơ bốn chữ, năm chữ; truyện khoa học viễn tưởng.

-**Năng lực viết:**

 + Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử;

+ Bước đầu làm được bài thơ bốn chữ, năm chữ, viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

 + Bước đầu làm được đoạn văn biểu cảm về con người hoặc sự việc

+ Nhận biết và vận dụng được ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết.

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được củng cố kĩ năng đọc hiểu văn bản: truyện, thơ bốn chữ năm chữ

- Học sinh được thực hành viết đoạn văn trình bày cảm xúc về đoạn thơ, bài thơ hoặc người mà bản thân yêu mến.

**b. Nội dung:** Học sinh ôn luyện các dạng bài cụ thể dưới sự định hướng của giáo viên

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh

**b. Tổ chức hoạt động.**

GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi toàn bộ tri thức ngữ văn cần ghi nhớ đã được phát triển và rèn luyện ở bài học 1,2,3.

 **HOẠT ĐỘNG 2.1. ÔN TẬP TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu HS thảo luân cặp đôi, kết hợp kĩ thuật đàm thoại gợi mở, yêu cầu HS trả lời hình thức cặp đôi các câu hỏi liên quan mục tiêu ngữ văn cần hướng tới.(1) Chia sẻ cách đọc hiểu truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng), thơ “ bốn chữ, năm chữ)(2) Trong quấ trình đọc hiểu cần nhận biết và hiểu kiến thức tiếng Việt nào(3) Chia sẻ yêu cầu viết cần đạt của bài học 1,2,3?  | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN****1. Đọc hiểu văn bản: truyện ngắn tiểu thuyết** - Nêu cảm nhận khái quát về văn bản.- Nhận diện được đặc điểm chung của văn bản, thấy được các yếu tố hình thức, nội dung của văn bản.+ Bối cảnh+ Ngôi kể, sự thay đổi ngôi kể+ Ngôn ngữ vùng miền.+ Nhân vật- cách thể hiện nhân vật (Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, qua lời người kể chuyện)+ Đề tài, chủ đề, ý nghĩa văn bản (lòng yêu nước và tình cảm nhân ái, nhân bản...)- Biết phân tích, tìm hiểu sâu giá trị nội dung của văn bản - Biết vận dụng nâng cao: Liên hệ so sánh kết nối (văn bản- văn bản, văn bản – cuộc sống, văn bản với chính bản thân) **Lưu ý:** Kết nối mở rộng với văn bản biểu hiện của lòng yêu nước và tình cảm nhân ái, nhân bản. **2. Đọc hiểu văn bản thơ bốn chữ, năm chữ**- Nêu cảm nhận khái quát về văn bản.- Nhận diện được đặc điểm chung của văn bản, thấy được các yếu tố hình thức, nội dung của văn bản+ Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ (Số lượng, dòng, chữ, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...) + Nội dung: đề tài, chủ đề, những tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua bài thơ.- Biết phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ- Biết phân tích, tìm hiểu sâu giá trị nội dung của văn bản - Biết vận dụng nâng cao: Liên hệ so sánh kết nối (văn bản- văn bản, văn bản – cuộc sống, văn bản với chính bản thân) **Lưu ý:** Quan tâm đọc hiểu văn bản:+Thể hiện những nỗi xúc động của người viết về tình cảm gia đình+Tác phẩm nhắc nhở sự trân quý các giá trị truyền thống của dân tộc.**3. Đọc hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng.**- Nêu cảm nhận khái quát về văn bản.- Nhận diện được đặc điểm chung của văn bản, thấy được các yếu tố hình thức, nội dung của văn bản**+** Nhận biết được một số yếu tố hình thức (Sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh...)+ Nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa) của truyện khoa học viễn tưởng.- Biết phân tích, tìm hiểu sâu cơ sở khoa học và tính chất viễn tưởng của truyện.- Biết vận dụng nâng cao: Liên hệ so sánh kết nối (văn bản- văn bản, văn bản – cuộc sống, văn bản với chính bản thân) từ đó biết trân trọng những ý tưởng khoa học; lòng dũng cảm, tình yêu thiên nhiên, thích khám phá, thích tưởng tượng và sáng tạo;**Lưu ý:**- Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng Trái Đất... - Sự kiện trong truyện khoa học viễn tưởng có thể bắt đầu từ sự kiện có thật; từ đó, nhà văn hình dung, tưởng tượng ra câu chuyện. - Tình huống trong truyện khoa học viễn tưởng thường đột ngột, có phần li kì, mạo hiểm...- Cốt truyện trong tác phẩm khoa học viễn tưởng thường gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ; với những sự kiện “đi trước thời gian”, những tình huống độc đáo, táo bạo, bất ngờ... Nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế...) trong các lĩnh vực mà tác phẩm đề cập**4. Kiến thức Tiếng Việt**- Nhận biết được ngôn ngữ vùng miền và đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết.- Nhận diện, phân tích biện pháp tu từ trong thơ:**5. Viết****a. Viết bài văn tự sự**Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử đảm bảo theo các bước một cách sáng tạo.**\* Mở bài:** Nêu tên nhân vật hoặc sự việc đặc sắc mà em muốn viết**\* Thân bài:** Lần lượt nêu những cảm xúc và suy nghĩ từ khái quát đến cụ thể - Nêu cảm xúc chung về con người sự việc- Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ về con người, sự việc- Rút ra bài học từ nhân vật sự việc**\* Kết bài:** Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người hoặc sự việc được nói đến trong bài văn**b. Viết đoạn văn** **b.1.Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.****- Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ, dẫn ra yếu tố nội dung nghệ thuật đặc sắc mà mình yêu thích.**- Thân đoạn:** Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.**- Kết đoạn:** Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mạng lại cảm xúc ấy. |

**HOẠT ĐỘNG 2.2. LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh làm đề tổng hợp để củng cố, nâng cao kĩ năng làm bài theo mục tiêu bài học 1,2,3

**b. Nội dung:**

**-** GV phát đề bài (chiếu đề)

- HS thực hiện cá nhân, thảo luận chung để cùng thống nhất yêu cầu trả lời.

**c. Sản phẩm :** Câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** GV cho HS làm đề tổng hợp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ BÀI.****I. Đọc hiểu (6 điểm)** **Đọc bài thơ sau:** *Cả mùa đông lạnh giá**Mặt Trời trốn đi đâu**Cây khoác tấm áo nâu**Áo trời thì xám ngắt.**Se sẻ giấu tiếng hát**Núp sâu trong mái nhà**Cả chị ong chăm chỉ**Cũng không đến vườn hoa.**Mưa phùn giăng đầy ngõ**Bảng lảng như sương mờ**Bếp nhà ai nhóm lửa**Khói lên trời đung đưa.* |  **NẮNG HỒNG** Bảo Ngọc*Ngõ quê in chân nhỏ**Lối quê gió lạnh đầy**Nép mình trong áo ấm**Vẫn cóng buốt bàn tay.**Màn sương ôm dáng mẹ**Chợ xa đang về rồi**Chiếc áo choàng màu đỏ**Như đốm nắng đang trôi.**Mẹ bước chân đến cửa**Mang theo giọt nắng hồng**Trong nụ cười của mẹ**Cả mùa xuân sáng bừng.*(In trong *Gõ cửa nhà trời*, NXB Kim Đồng, 2019) |

***Ghi vào bài chữ cái mà em lựa chọn trả lời cho câu hỏi 1- 8 và tự trả lời câu hỏi 9, 10 vào bài làm.*****Câu 1.** Ý nào nói đúng nhất về phương thức biểu đạt chính của bài thơ?? A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận**Câu 2.** Nội dung chính của bài thơ?A. Cảm xúc về mẹ C. Cảm xúc về mùa đông B. Cảm xúc về sự vật trong mùa đông D. Cảm xúc về mùa đông và mẹ**Câu 3:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong bài thơ?A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ**Câu 4.** Dòng thơ nào sau đây có sử dụng phó từ1. *Cả mùa đông lạnh giá C. Áo trời thì xám ngắt*

 *B.Chợ xa đang về rồi D.Khói lên trời đung đưa.***Câu 5.** Ý nào nói đúng nhất ý nghĩa khổ cuối bài thơ?1. *Mẹ đem đến ấm áp, yêu thương xua tan giá lạnh mùa động*
2. *Mẹ là người luôn hi sinh cho con*
3. *Mùa đông đến mẹ phải chịu nhiều vất cả*
4. *Mùa đông là mùa đem đến cho mẹ nhiều niềm vui*

**Câu 6.** Ý nào nói đúng nhất về gieo vần trong bài thơ?A.Vần chân, cố định, gieo liên tiếpB. Vần lưng, cố định, gieo liên tiếpC. Vần lưng, theo cặp, xen kẽ, hoàn đổi.D. Vần chân, theo cặp, xen kẽ, hoàn đổi.**Câu 7.** *Hình ảnh “Áo trời thì xám ngắt” là biểu hiện của biện pháp tu từ nào?*1. Nhân hóa B. So sánh C. Hoán dụ D. Ẩn dụ

**Câu 8.** Trong bài thơ em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao?**Câu 9.** Từ cách viết của tác giả trong bài thơ, em học được điều gì về cách làm một bài thơ bốn chữ, năm chữ. |

**BIỂU ĐIỂM, ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I | **ĐỌC-HIỂU** |
| 1 | C | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | B | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | - Học sinh nêu được hình ảnh thơ mà bản thân yêu thích- Lí giải được lí do yêu thích. | 0,50,5 |
| 9 | - Miêu tả từng hiện tượng thiên nhiên và cuộc sống kết hợp thể hiện cảm xúc.- Thể hiện sự sống động bằng các biện pháp nghệ thuật nhân hoá, so sánh, ẩn dụ.- Sử dụng những hình ảnh thể hiện sự liên tưởng bất ngờ, thú vị. | 0,50,5 |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học bài: Học sinh ôn luyện nắm vững mục tiêu kiến thức ngữ văn

- Làm bài tập:

+ Hoàn thiện đề bài đã hướng dẫn

+ Làm bài tập đọc hiểu:

**Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi**

|  |  |
| --- | --- |
|  **LỜI CỦA CÂY** *Khi đang là hạt**Cầm trong tay mình**Chưa gieo xuống đất**Hạt nằm lặng thinh.**Khi hạt nảy mầm**Nhú lên giọt sữa**Mầm đã thì thầm**Ghé tai nghe rõ.**Mầm tròn nằm giữa**Vỏ hạt làm nôi**Nghe bàn tay vỗ**Nghe tiếng ru hời.* | **Trần Hữu Thung***Mầm kiêng gió bắc**Kiêng nhất mưa giông**Nghe mầm mở mắt**Đón tia nắng hồng.**Khi cây đã thành**Nở vài lá bé**Lá nghe màu xanh**Bắt đầu bập bẹ.**Rằng các bạn ơi**Cây chính là tôi**Nay mai sẽ lớn**Góp xanh đất trời.*(In trong *Những bài thơ em yêu*, Phạm Hổ, Nguyễn Nghiệp tuyển chọn, NXB Giáo dục, 2004) |

**Câu 1.** Quá trình sinh trưởng của hạt được tác giả thể hiện qua 5 khổ thơ đầu bởi những âm thanh, hình ảnh nào? Qua đó, thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả đối với những mầm cây?

**Câu 2.** Xác định các biện pháp tu từ tác giả sử dụng trong 5 khổ thơ đầu? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?

**Câu 3.** Nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ trên? Nêu tác dụng của cách vần, nhịp đó trong việc thể hiện lời của cây?

**Câu 4.** Khổ 6 tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Qua đó hãy cho biết cây muốn gửi gắm điều gì đến bạn đọc?

**Câu 5.** Nêu chủ đề và thông điệp của bài thơ “Lời của cây”.

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1.** Quá trình sinh trưởng của hạt được tác giả thể hiện qua 5 khổ thơ đầu bởi những âm thanh, hình ảnh:

- Khổ 1: *hạt nằm lặng thinh*.

- Khổ 2: *mầm nhú lên giọt sữa, thì thầm*.

- Khổ 3: *mầm tròn nằm giữa, vỏ hạt làm nôi.*

- Khổ 4: *mầm mở mắt, đón tia nắng hông.*

- Khổ 5: *cây đã thành, lá xanh bập bẹ.*

- Tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với những mầm cây: nâng niu, gắn bó, yêu quý…

**Câu 2.** Xác định các biện pháp tu từ tác giả sử dụng trong 5 khổ thơ đầu và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó.

**- Khổ 1:** Hạt nằm lặng thinh. => Nghệ thuật nhân hoá, một hạt giống khi chưa được gieo xuống đất nên chưa có dấu hiệu của sự sống, sự im lặng thoáng chút buồn, chút chờ đợi. Bởi vậy, nhà thơ chưa cảm nhận thấy âm thanh sự sống của hạt mầm.

**- Khổ 2:** Hạt nảy mầm - “nhú lên giọt sữa”: => Nghệ thuật ẩn dụ, mầm như *giọt sữa* đang nhú ra khỏi lớp vỏ của hạt tinh khôi, căng mọng, mỡ màng => cảm giác như một thân thể non tơ, cần nâng niu, bảo vệ. Mầm “thì thầm” – tác giả “ghé tai nghe rõ” => Từ sự *lặng thinh* ở khổ 1, mầm đã cất tiếng *thì thầm* khiến nhà thơ *ghé tai nghe rõ* => Lời thì thầm ấy như là hơi thở cuộc sống, như tiếng khóc của em bé khi chào đời, tác giả *ghé tai nghe rõ* dấu hiệu của sự sống đang tồn tại, phải chăng tiếng *thì thầm* ấy cũng là *lời cảm ơn* của hạt mầm đối với người gieo hạt.

**- Khổ 3:**

+ *Mầm tròn nằm giữa* – *vỏ hạt làm nôi* => Mầm như một em bé non nớt, đang được bao bọc, che chở trong “vòng tay” của vỏ hạt.

+ Mầm tròn nằm giữa “nôi” - *nghe bàn tay vỗ, nghe tiếng ru hời* - mầm như em bé đang nằm trong nôi được cưng nựng, âu yếm, vỗ về, hát ru.

**- Khổ 4:**

+ Mầm kiêng gió bắc, mưa giông -> những yếu tố ảnh hưởng không tốt đến sự sống, phát triển của hạt mầm -> tác giả đã rất am hiểu, tránh cho hạt mầm những yếu tố bất lợi đó.

+ Từ đó, hạt mầm mở mắt, đón tia nắng hồng -> quá trình sinh trưởng đầy thử thách nhưng cũng đầy ánh sáng và niềm vui.

**- Khổ 5:**

 + Nở vài lá bé -> hạt mầm lớn lên, phát triển từng ngày -> xuất hiện “màu xanh”- màu của sự sống, đâm chồi nảy lộc.

 + Màu xanh ấy – bắt đầu “bập bẹ” -> Nghệ thuật nhân hoá. Từ âm thanh *thì thầm* -> mầm cất lên thành tiếng “bập bẹ” cùng với sự lớn lên của mình => mầm như em bé, đến tuổi tập nói, mang những tiếng bi bô, trìu mến đến với thế giới này.

=> Nhà thơ quan sát, vỗ về, chăm chút cho hạt mầm như chăm sóc một em bé sơ sinh đang lớn lên từng ngày. Nhà thơ có sự quan sát kĩ càng, tỉ mỉ và chịu khó lắng nghe mới có thể am hiểu quá trình này tường tận như thế. Qua đó, thể hiện cảm xúc yêu thương, trìu mến, nâng niu của tác giả đối với những mầm cây, sự giao cảm tinh tế của nhà thơ với cảnh vật.

**Câu 3.**

**-** Nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ và nêu tác dụng:

+ Vần: vần chân (*mình - thinh, mầm - thầm, dông - hồng, thành - xanh, bé - bẹ, ơi - trời*).

+ Tác dụng: Làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc; tạo nên sự kết dính trong văn bản, tạo độ ngân vang cho “*lời của cây*” trong tâm hồn người đọc

+ Nhịp: chủ yếu nhịp 2/2 đều đặn như nhịp đưa nôi, vừa diễn tả nhịp điệu êm đềm của đời sống cây xanh, vừa thể hiện cảm xúc yêu thương, trìu mến của tác giả. Ngoài ra, một số dòng nhịp 1/3 (*Nghe/bàn tay vỗ; nghe/tiếng ru hời*) -> Mầm như một em bé đang được âu yếm, vỗ về bằng những âm thanh trong cuộc sống.

**Câu 4.** Khổ 6 tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật: Nhân hoá.

- Cách xưng hô tôi - các bạn -> tạo nên mối quan hệ thân thiết giữa cây và con người.

- Cách ngắt nhịp 1/3: *Rằng/các bạn ơi* -> nhấn mạnh vào khao khát của cây khi cây muốn được con người hiểu và giao cảm.

=> Cây muốn con người hiểu rằng khi lớn lên, cây muốn đóng góp màu xanh của mình vào thiên nhiên, vào mùa xuân cuộc đời để tô thắm thêm cho mùa xuân ấy trở nên đẹp và tươi mới hơn.

**Câu 5.** Nêu chủ đề và thông điệp của bài thơ “Lời của cây”.

- Chủ đề: Bài thơ thể hiện niềm yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên.

- Thông điệp:Hãy lắng nghe lời của cỏ cây, loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay từ khi sự sống ấy mới là những mầm sống; mỗi con người, mỗi sự vật dù là nhỏ bé đều góp phần tạo nên sự sống như hạt mầm góp màu xanh cho đất trời

**ĐỀ 3:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**TRĂNG ƠI… TỪ ĐÂU ĐẾN?**

 **Trần Đăng Khoa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Trăng ơi… từ đâu đến?* *Hay từ cánh rừng xa**Trăng hồng như quả chín**Lửng lơ lên trước nhà**Trăng ơi… từ đâu đến?* *Hay biển xanh diệu kì**Trăng tròn như mắt cá**Chẳng bao giờ chớp mi* | *Trăng ơi… từ đâu đến?* *Hay từ một sân chơi**Trăng bay như quả bóng**Bạn nào đá lên trời**Trăng ơi… từ đâu đến?* *Hay từ lời mẹ ru**Thương Cuội không được học**Hú gọi trâu đến giờ* | *Trăng ơi… từ đâu đến?* *Hay từ đường hành quân**Trăng soi chú bộ đội**Và soi vàng góc sân**Trăng ơi… từ đâu đến?* *Trăng đi khắp mọi miền**Trăng ơi có nơi nào**Sáng hơn đất nước em…* |

 **1968**

 **(Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời,***

**NXB Văn hóa dân tộc)**

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Bài thơ “Trăng ơi… từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do. B. Lục bát. C. Bốn chữ. D. Năm chữ.

**Câu 2**. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

A.Gieo vần lưng. B. Gieo vần chân.

C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

**Câu 3.** Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

A. Quả chín. B. Mắt cá. C. Quả bóng. D. Cánh rừng xa.

**Câu 4.** Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

A**.** Từ ghép. B. Từ láy. C. Từ đồng nghĩa. D. Từ trái nghĩa.

**Câu 5.** Hình ảnh vầng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng…) cho em biết vầng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

A. Bà nội. B. Người mẹ. C. Cô giáo. D. Trẻ thơ.

**Câu 6.** Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

 B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

 C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

 D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

**Câu 7.** Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” có công dụng gì ?

 A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.

 C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.

 D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

**Câu 8.** Bài thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” thể hiện tình cảm gì của nhân vật trữ tình ?

A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.

B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.

 C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.

 D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

**Câu 9.** Em hiểu như thế nào về câu thơ(trình bày bằng đoạn văn từ 3 đến 5 câu) :

 “Trăng ơi có nơi nào.

 Sáng hơn đất nước em…”?

**Câu 10.** Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương, đất nước.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

**Sản phẩm dự kiến**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | D | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** |  HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình. | 1,0 |
| **10** | HS nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ.  | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo bố cục bài văn tự sự gồm 3 phần: MB, TB, KB. | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề. |  |
|  | Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu. | 0,25 |
|  | C. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu. |  |
|  | Hs có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.- Giới thiệu sự việc có liên quan đến nhân vật lịch sử.- Các sự việc chính bắt đầu - diễn biến - kết thúc.- Suy nghĩ của em về sự việc đó. | 0.50.52.00.5 |

GV hướng dẫn hs ôn tập để làm bài thi giữa kì I.

====================================